

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp

Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Việc làm,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.¹

¹ Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH) có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 09 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh²

Thông tư này hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP, Nghị định số 61/2020/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Thông tư này là đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

Chương II

THAM GIA VÀ ĐÓNG BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Điều 3. Tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP

1. Người sử dụng lao động phải lập và nộp hồ sơ tham gia bảo hiểm thất nghiệp của người lao động cho tổ chức bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc của người lao động thuộc đối tượng bắt buộc tham gia bảo hiểm thất nghiệp có hiệu lực.

2. Trường hợp người lao động giao kết nhiều hợp đồng lao động đều thuộc đối tượng bắt buộc tham gia bảo hiểm thất nghiệp và đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo hợp đồng lao động có hiệu lực đầu tiên thì khi chấm dứt hoặc thay đổi hợp đồng lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp dẫn đến người lao động không thuộc đối tượng bắt buộc tham gia bảo hiểm thất nghiệp thì người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp của hợp đồng lao động kế tiếp theo quy định của pháp luật lao động phải lập và nộp hồ sơ tham gia bảo hiểm thất nghiệp của người lao động cho tổ chức bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người lao động chấm dứt hoặc thay đổi hợp đồng lao động nêu trên. Hồ sơ tham gia bảo hiểm thất nghiệp của người lao động trong trường hợp nêu trên nộp cùng với hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của người lao động.

3. Trường hợp trước ngày 01/01/2015 người sử dụng lao động đã giao kết hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng với người lao động và đang thực hiện hợp đồng lao động này, tính đến ngày 01/01/2015 thời hạn hợp đồng lao động nêu trên còn ít nhất 03

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Việc làm;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp”.

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

tháng trở lên thì người sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động kể từ ngày 01/01/2015 trở đi.

Điều 4. Đóng bảo hiểm thất nghiệp

1. Người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định mà mức tiền lương tháng của người lao động cao hơn hai mươi tháng lương tối thiểu vùng thì người sử dụng lao động và người lao động phải đóng bảo hiểm thất nghiệp theo mức tiền lương bằng hai mươi tháng lương tối thiểu vùng từ ngày 01/01/2015 trở đi.

2. Trình tự, thủ tục đóng bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

3.³ Người lao động tại đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền có nhu cầu chấm dứt hợp đồng lao động để hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp thì người lao động đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh thực hiện theo quy trình tại điểm h khoản 2 Điều 16 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP.

4.⁴ Cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm thực hiện xác nhận mức đóng, thời gian đóng, thời gian gián đoạn và lý do gián đoạn đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Chương III

HỖ TRỢ TƯ VẤN, GIỚI THIỆU VIỆC LÀM

Điều 5. Trình tự, thủ tục tư vấn, giới thiệu việc làm theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP

1. Người lao động ghi đầy đủ các thông tin cá nhân, nhu cầu tư vấn, nhu cầu giới thiệu việc làm vào phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này và nộp trực tiếp cho trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là trung tâm dịch vụ việc làm).

2. Trung tâm dịch vụ việc làm có trách nhiệm tiếp nhận phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm và căn cứ vào nhu cầu, khả năng của người lao động, nhu cầu tuyển lao động của người sử dụng lao động để kết nối việc làm phù hợp với người lao động.

3. Trung tâm dịch vụ việc làm gửi cho người lao động Phiếu giới thiệu việc làm theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này để người lao động tham gia dự tuyển lao động.

³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

4. Trung tâm dịch vụ việc làm có trách nhiệm theo dõi kết quả dự tuyển lao động để kịp thời hỗ trợ người lao động.

Điều 6. Từ chối nhận việc làm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP

Người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp được xác định là từ chối nhận việc làm mà không có lý do chính đáng khi thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Người lao động được trung tâm dịch vụ việc làm giới thiệu việc làm phù hợp với ngành nghề, trình độ được đào tạo mà người lao động đã ghi theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này nhưng không đến tham gia dự tuyển lao động.

2. Người lao động được trung tâm dịch vụ việc làm giới thiệu việc làm mà người lao động đó đã từng làm nhưng không đến tham gia dự tuyển lao động.

3. Người lao động đã tham gia dự tuyển lao động theo giới thiệu của trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp và có thông báo trúng tuyển của người sử dụng lao động nhưng không nhận việc làm đã trúng tuyển, trừ trường hợp việc làm đó không đúng như thông báo tuyển lao động của người sử dụng lao động.

Chương IV TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP

Điều 7. Người lao động không có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp

Trong thời hạn 15 ngày tính theo ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp nếu người lao động không có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp thì người lao động phải trực tiếp nộp đề nghị không hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Trung tâm dịch vụ việc làm có trách nhiệm gửi lại hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp cho người lao động vào ngày trả kết quả theo phiếu hẹn trả kết quả.

Điều 8. Mức hưởng và tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp

1. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng của người lao động được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hưởng trợ} \\ \text{cấp thất nghiệp} \\ \text{hằng tháng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương bình quân của 06} \\ \text{tháng liền kề có đóng bảo hiểm} \\ \text{thất nghiệp trước khi thất nghiệp} \end{array} \times 60\%$$

a) Trường hợp những tháng cuối cùng trước khi thất nghiệp, người lao động có thời gian gián đoạn đóng bảo hiểm thất nghiệp thì 06 tháng liền kề để tính mức hưởng trợ cấp thất nghiệp là bình quân tiền lương của 06 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp trước khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật.

Ví dụ 1: Bà Nguyễn Thị A giao kết hợp đồng lao động có thời hạn 24 tháng với trường tiểu học E với mức lương như sau: từ ngày 01/9/2013 đến ngày 31/8/2014 là 2.000.000 đồng/tháng, từ ngày 01/09/2014 đến 31/8/2015 là 4.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, từ ngày 01/1/2015 đến ngày 30/6/2015, bà A nghỉ hưởng chế độ thai sản. Sau đó, do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động vì vậy bà A đã làm đơn xin nghỉ việc theo quy định của pháp luật lao động và ngày 01/7/2015 trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc cho bà A, quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Như vậy, mức tiền lương đóng bảo hiểm thất nghiệp làm căn cứ tính mức hưởng trợ cấp thất nghiệp của bà A là bình quân tiền lương của 06 tháng liền kề trước khi bà nghỉ việc mà có đóng bảo hiểm thất nghiệp (tháng 7, 8, 9, 10, 11, 12/2014). Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng của bà A là $(2.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} + 4.000.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ tháng}) / 6 \times 60\% = 2.000.000 \text{ đồng/tháng}$.

Ví dụ 2: Ông Đào Văn B có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp liên tục 38 tháng (từ ngày 01/01/2012 đến ngày 28/02/2015), mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm thất nghiệp 06 tháng cuối trước khi chấm dứt hợp đồng lao động (từ tháng 9/2014 đến tháng 2/2015) là 8.000.000 đồng/tháng, ông B được hưởng trợ cấp thất nghiệp với thời gian 03 tháng (thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp của ông B tính từ ngày 05/4/2015 đến ngày 04/7/2015). Ngày 02/5/2015, ông B giao kết hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng với doanh nghiệp X (mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm thất nghiệp là 7.000.000 đồng/tháng) và thông báo với trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định. Ông B bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp từ ngày 02/5/2015 và được bảo lưu 26 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp. Do ốm đau cần phải điều trị dài ngày nên ngày 28/7/2015 ông B thỏa thuận với doanh nghiệp X để chấm dứt hợp đồng lao động và nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp lần hai. Sáu tháng liền kề có đóng bảo hiểm thất nghiệp để làm căn cứ tính mức trợ cấp thất nghiệp của ông B là các tháng sau: tháng 12/2014 và tháng 01, 02, 5, 6, 7/2015. Như vậy, mức trợ cấp thất nghiệp hằng tháng của ông B là $(8.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ tháng} + 7.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ tháng}) / 6 \times 60\% = 4.500.000 \text{ đồng/tháng}$.

b) Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng của người lao động tối đa không quá 05 lần mức lương cơ sở đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định hoặc không quá 05 lần mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Bộ luật Lao động đối với người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động.

Ví dụ 3: Ngày 01/01/2015, ông Trịnh Xuân C giao kết hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng với doanh nghiệp F với mức lương là 70.000.000 đồng/tháng. Doanh nghiệp F hoạt động trên địa bàn thuộc vùng I, áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ là 3.100.000 đồng/tháng. Do đó, mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của ông C là: $20 \text{ lần} \times 3.100.000 \text{ đồng} = 62.000.000 \text{ đồng/tháng}$.

Ngày 28/9/2015, ông C thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với doanh nghiệp F và chuyển sang giao kết hợp đồng lao động có thời hạn 03 tháng với doanh nghiệp G (từ ngày 01/10/2015 đến 31/12/2015) với mức lương là 80.000.000 đồng/tháng. Doanh nghiệp G có trụ sở chính hoạt động trên địa bàn thuộc vùng IV, áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ là 2.150.000 đồng/tháng nhưng ông C không làm việc tại trụ sở chính mà làm việc tại chi nhánh, chi nhánh này hoạt động trên địa bàn thuộc vùng III, áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ là 2.400.000 đồng/tháng. Do đó, ông C tham gia và đóng bảo hiểm thất nghiệp tại tổ chức bảo hiểm xã hội nơi chi nhánh hoạt động với mức lương là: 20 lần x 2.400.000 đồng = 48.000.000 đồng/tháng.

Hết hạn hợp đồng lao động với doanh nghiệp G, ông C nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp. Như vậy, 60% mức tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề trước khi ông C chấm dứt hợp đồng lao động là: $(62.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ tháng} + 48.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ tháng}) / 6 \times 60\% = 33.000.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, theo quy định thì mức hưởng trợ cấp thất nghiệp của ông C tối đa không quá 5 lần mức lương tối thiểu vùng tại thời điểm ông chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng của ông C là 12.000.000 đồng/tháng $(2.400.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ lần} = 12.000.000 \text{ đồng/tháng})$.

2.⁵ Tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính theo tháng dương lịch. Mỗi tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính từ ngày người lao động bắt đầu hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 50 Luật Việc làm đến ngày đó của tháng sau trừ 01 ngày, trường hợp tháng sau không có ngày tương ứng thì ngày kết thúc của tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp là ngày cuối cùng của tháng đó.

Ví dụ 4: Ông Cao Văn D được hưởng trợ cấp thất nghiệp với thời gian là 05 tháng, từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/5/2022. Như vậy, tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp của ông D được xác định như sau:

Tháng hưởng thứ nhất là từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/01/2022;

Tháng hưởng thứ hai là từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 28/02/2022;

Tháng hưởng thứ ba là từ ngày 01/3/2022 đến hết ngày 31/3/2022;

Tháng hưởng thứ tư là từ ngày 01/4/2022 đến hết ngày 30/4/2022;

Tháng hưởng thứ năm là từ ngày 01/5/2022 đến hết ngày 31/5/2022.

3. Trình tự, thủ tục, hình thức chi trả trợ cấp thất nghiệp theo hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 9. Bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp⁶

1. Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu xác định như sau:

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

Tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu	=	Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu khi người lao động có tháng đóng chưa được giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp (nếu có)	+	Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu khi người lao động bị hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (nếu có)	+	Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu khi người lao động không đến nhận tiền hưởng trợ cấp thất nghiệp (nếu có)	+	Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được xác nhận bổ sung sau khi chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (đối với các trường hợp người lao động đã hưởng trợ cấp thất nghiệp có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp dưới 36 tháng khi giải quyết thì căn cứ thực tế vào thời gian đã đóng, hưởng trợ cấp thất nghiệp) (nếu có)
---	---	--	---	---	---	---	---	---

a) Bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp khi người lao động có tháng đóng chưa được giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp

Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp trên 36 tháng đến đủ 144 tháng thì thời gian đóng chưa được giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp được bảo lưu. Trường hợp người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp trên 144 tháng thì những thời gian chưa được giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp không được bảo lưu. Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu ghi tại quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Ví dụ 5: Bà Nguyễn Thị Đ có tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 41 tháng, như vậy, nếu bà Đ đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 49 Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn thì được hưởng trợ cấp thất nghiệp 03 tháng (*trương ứng với 36 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp*) và được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 05 tháng.

Ví dụ 6: Bà Nguyễn Thị E có tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 150 tháng, như vậy, nếu bà E đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 49 Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn thì được hưởng trợ cấp thất nghiệp 12 tháng và được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 0 tháng.

b) Bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp khi người lao động bị hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp

Người lao động bị hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 61/2020/NĐ-CP thì thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu là thời gian đã được tính hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Ví dụ 7: Ông Phạm Văn E có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 40 tháng, được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 03 tháng và được bảo lưu 04 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp. Ông E không đến nhận quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp theo phiếu hẹn trả kết quả và không thông báo cho trung tâm dịch vụ việc làm về lý do không thể đến nhận kết quả, do đó, ông E bị hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Như vậy, thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp mà chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp của ông E là 40 tháng.

c) Bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp khi người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp

Người lao động bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp thuộc các trường hợp được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 61/2020/NĐ-CP thì thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu tương ứng với thời gian còn lại mà người lao động chưa nhận trợ cấp thất nghiệp. Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu được ghi tại quyết định về việc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động.

Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp có việc làm thuộc trường hợp giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã thực hiện thông báo với trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định nhưng chưa có bản sao hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc thì phải có cam kết thể hiện nội dung về ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã giao kết có hiệu lực, lý do chưa cung cấp được bản sao hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc và nộp bổ sung bản sao hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.

Ví dụ 8: Ông Nguyễn Văn G có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 17 tháng, ông được hưởng trợ cấp thất nghiệp với thời gian là 03 tháng. Ông G đã được hưởng trợ cấp thất nghiệp tháng đầu tiên và thông báo theo quy định với trung tâm dịch vụ việc làm về việc có việc làm ngay trong tháng đó. Như vậy, thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp của ông G được bảo lưu là 05 tháng (*01 tháng đã hưởng trợ cấp thất nghiệp tương ứng với 12 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp*).

Ví dụ 9: Ông Nguyễn Văn H có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 52 tháng; ông được hưởng trợ cấp thất nghiệp 04 tháng kể từ ngày 02/4/2022 đến ngày 01/8/2022 và được bảo lưu 04 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp. Sau tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp thứ nhất, ông H không đến thông báo tìm kiếm việc làm nên bị tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp kể từ ngày 02/5/2022. Tuy nhiên, ngày 04/7/2022, ông H thông báo đã có việc làm kể từ ngày 02/7/2022 nên bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp. Như vậy, ông H đã được hưởng trợ cấp thất nghiệp 02 tháng (*tháng thứ nhất và tháng thứ tư*), tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp 02 tháng (*tháng thứ hai và tháng thứ ba*) nên thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu tại Quyết định chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp của ông H là 0 tháng (*không tính 04 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp đã được bảo lưu trong quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp*).

Ví dụ 10: Ông Nguyễn Văn K có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 60 tháng; ông được hưởng trợ cấp thất nghiệp 05 tháng kể từ ngày 18/01/2022 đến ngày 17/06/2022; ông bị tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp kể từ ngày 18/03/2022. Tuy nhiên, ngày 25/03/2022, ông K thông báo đã có việc làm kể từ ngày 11/03/2022, do đó, ông K bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp kể từ ngày 11/03/2022 và không được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp (*do ông K không thực hiện thông*

báo về việc có việc làm trong thời hạn theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 61/2020/NĐ-CP).

d) Bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp khi người lao động không đến nhận tiền trợ cấp thất nghiệp

Người lao động không đến nhận tiền và không thông báo bằng văn bản với cơ quan bảo hiểm xã hội sau thời hạn 03 tháng kể từ ngày hết thời hạn hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp thì được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng với số tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp mà người lao động không nhận tiền trợ cấp thất nghiệp. Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu tại quyết định về việc bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Ví dụ 11: Bà Nguyễn Thị L có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 12 tháng, được hưởng trợ cấp thất nghiệp với thời gian là 03 tháng. Bà L đã nhận trợ cấp thất nghiệp tháng đầu tiên. Tuy nhiên, sau 03 tháng kể từ ngày hết thời hạn hưởng trợ cấp thất nghiệp, bà L vẫn không đến nhận tiền trợ cấp thất nghiệp của tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp thứ hai và thứ ba. Như vậy, bà L đã nhận trợ cấp thất nghiệp 01 tháng (*tương ứng với 12 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp*) nên thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp của bà L được bảo lưu là 0 tháng.

Ví dụ 12: Ông Nguyễn Văn M có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp 18 tháng; được hưởng trợ cấp thất nghiệp 03 tháng. Ông M chưa nhận tiền trợ cấp thất nghiệp của tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp đầu tiên; sau đó, ông M không thực hiện thông báo về việc tìm kiếm việc làm nên bị tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp từ tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp thứ hai đến hết thời hạn hưởng trợ cấp thất nghiệp. Sau 03 tháng kể từ ngày hết thời hạn hưởng trợ cấp thất nghiệp, ông M không đến nhận tiền. Như vậy, thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp của ông M được bảo lưu là 12 tháng (*tương ứng với 01 tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp mà ông M không đến nhận tiền*).

Ví dụ 13: Bà Nguyễn Thị N có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 29 tháng, bà được hưởng trợ cấp thất nghiệp với thời gian là 03 tháng. Bà N đã nhận trợ cấp thất nghiệp tháng đầu tiên, bị tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp tháng thứ hai và được tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp tháng thứ ba. Tuy nhiên, sau 03 tháng kể từ ngày hết thời hạn hưởng trợ cấp thất nghiệp, bà N vẫn không đến nhận tiền trợ cấp thất nghiệp của tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp thứ ba. Như vậy, bà N đã hưởng trợ cấp thất nghiệp 01 tháng và bị tạm dừng 01 tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp (*tương ứng với 24 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp*) nên thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu của bà N là 05 tháng.

Ví dụ 13a: Ông Phạm Văn N có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 15 tháng, ông được hưởng trợ cấp thất nghiệp với thời gian là 03 tháng. Ông N đã nhận trợ cấp thất nghiệp tháng đầu tiên, đã thực hiện thông báo tìm kiếm việc làm tháng thứ 2 nhưng không đến nhận tiền trợ cấp thất nghiệp tháng đó. Ông N bị tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp tháng thứ ba. Sau 03 tháng kể từ ngày hết thời hạn hưởng

trợ cấp thất nghiệp, ông N vẫn không đến nhận tiền trợ cấp thất nghiệp của tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp thứ hai. Như vậy, ông N đã hưởng trợ cấp thất nghiệp 01 tháng (*tương ứng với 12 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp*) nên thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu của ông N là 03 tháng.

đ) Bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp đối với trường hợp người lao động được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận bổ sung thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp sau khi chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp.

- Trường hợp người lao động có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp từ 36 tháng trở lên làm căn cứ để giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp thì thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận bổ sung sẽ được bảo lưu để làm cơ sở tính hưởng bảo hiểm thất nghiệp khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

Ví dụ 13b: Ông Nguyễn Văn P có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 42 tháng, được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 03 tháng và được bảo lưu là 06 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp. Sau khi chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp, ông P được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận bổ sung thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 08 tháng thì thời gian này được bảo lưu để làm cơ sở tính hưởng bảo hiểm thất nghiệp khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

- Trường hợp người lao động có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp dưới 36 tháng làm căn cứ để giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp thì thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận bổ sung được bảo lưu theo nguyên tắc sau:

Số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp được xác nhận bổ sung để bảo lưu	=	Số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp đã xét hưởng trợ cấp thất nghiệp	+	Số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp xác nhận bổ sung	-	Số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng với số tháng đã nhận tiền trợ cấp thất nghiệp	-	Số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng số tháng bị tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp
---	---	---	---	---	---	--	---	---

Ví dụ 13c: Ông Nguyễn Văn Q có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 13 tháng, được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 03 tháng và ông Q đã hưởng đủ 03 tháng trợ cấp thất nghiệp. Sau khi chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp, ông Q được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận bổ sung thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 07 tháng. Như vậy, thời gian đã hưởng của ông Q là 03 tháng tương ứng với 36 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, thực tế ông Q có tổng thời gian đóng bảo hiểm thất

nghịệp là 20 tháng cho nên ông Q không được bảo lưu số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp được xác nhận bổ sung.

Ví dụ 13d: Ông Nguyễn Văn R có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 25 tháng, được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 03 tháng và ông R đã hưởng đủ 03 tháng trợ cấp thất nghiệp. Sau khi chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp, ông R được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận bổ sung thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 15 tháng. Như vậy, thời gian đã hưởng của ông R là 03 tháng tương ứng với 36 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, trong khi thực tế ông R có tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 40 tháng nên thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp chưa được giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp của ông R là 04 tháng.

Ví dụ 13đ: Ông Nguyễn Văn S có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 16 tháng, được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 03 tháng. Ông S hưởng trợ cấp thất nghiệp 01 tháng thì có việc làm, do đó, ông bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp và được bảo lưu 04 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp. Sau khi chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp ông được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận bổ sung 12 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp. Như vậy, thời gian đã hưởng của ông S là 01 tháng tương ứng với 12 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, trong khi thực tế ông S có tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 28 tháng nên thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp chưa được giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp của ông S là 12 tháng (*không bao gồm 04 tháng đã được bảo lưu tại quyết định chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp*).

Ví dụ 13e: Ông Nguyễn Văn T có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 16 tháng, được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 03 tháng. Ông T được hưởng trợ cấp thất nghiệp 02 tháng thì có việc làm, do đó, ông bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp và không còn số tháng đã đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu. Sau khi chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp ông được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận bổ sung 12 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp. Như vậy, tổng thời gian đã đóng bảo hiểm thất nghiệp của Ông T là 28 tháng, Ông T đã hưởng 02 tháng trợ cấp thất nghiệp, tương ứng với 24 tháng đã đóng bảo hiểm thất nghiệp nên thời gian đã đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu của ông T là 4 tháng.

Ví dụ 13g: Bà Bùi Thị V có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 29 tháng, được hưởng trợ cấp thất nghiệp 03 tháng. Bà V đã hưởng trợ cấp thất nghiệp tháng thứ nhất và tháng thứ ba; tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp thứ 2 bà bị tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp do không thông báo về việc tìm kiếm việc làm theo quy định. Sau khi chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp bà được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận bổ sung 08 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp. Như vậy, thời gian đã hưởng của bà V là 03 tháng tương ứng với 36 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, trong khi thực tế bà V có tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 37 tháng nên thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp chưa được giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp của bà V là 01 tháng.

2. Đối với các trường hợp tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này thì thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu không bao gồm số tháng đóng bảo hiểm thất

nghiệp chưa được giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp đã được cơ quan bảo hiểm xã hội bảo lưu.

3. Cơ quan bảo hiểm xã hội căn cứ các quyết định liên quan đến việc hưởng trợ cấp thất nghiệp và việc xác nhận bổ sung thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp để thực hiện việc bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp vào Sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 10. Thông báo về việc tìm kiếm việc làm theo quy định tại Điều 52 Luật Việc làm

1. Trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp, hằng tháng người lao động phải trực tiếp thông báo về việc tìm kiếm việc làm với trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

2.⁷ (được bãi bỏ)

3.⁸ Người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp không phải trực tiếp thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm nếu thời gian thông báo về việc tìm kiếm việc làm nằm trong khoảng thời gian mà người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Nam từ đủ 60 tuổi trở lên, nữ từ đủ 55 tuổi trở lên;
- b) Ốm đau có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền;
- c) Nghỉ hưởng chế độ thai sản có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền. Riêng đối với trường hợp nam giới có vợ chết sau khi sinh con mà phải trực tiếp nuôi dưỡng con thì giấy tờ xác nhận là giấy khai sinh của con và giấy chứng tử của mẹ;
- d) Bị tai nạn có xác nhận của cảnh sát giao thông hoặc cơ sở y tế có thẩm quyền;
- đ) Bị hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch họa, dịch bệnh có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- e) Cha, mẹ, vợ/chồng, con của người lao động chết; người lao động hoặc con của người lao động kết hôn có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- g) Đang tham gia khóa học nghề theo quyết định của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và có xác nhận của cơ sở đào tạo nghề nghiệp;
- h) Thực hiện hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng;

⁷ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

i) Đi cai nghiện tự nguyện có xác nhận của cơ sở cai nghiện hoặc xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

k) Chuyển nơi hưởng trợ cấp theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Người lao động phải thông tin cho trung tâm dịch vụ việc làm (*thông qua điện thoại, thư điện tử, fax, ...*) về lý do không phải trực tiếp đến thông báo và trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của thời hạn thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm theo quy định, đồng thời gửi thư bảo đảm hoặc ủy quyền cho người khác nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ nêu trên chứng minh thuộc trường hợp không phải thông báo trực tiếp đến trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp gửi theo đường bưu điện thì ngày được coi là đã gửi thông báo là ngày ghi trên dấu bưu điện.

4. Ngày người lao động thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm được ghi cụ thể trong phụ lục quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động như sau:

a) Ngày của tháng thứ nhất hưởng trợ cấp thất nghiệp là ngày nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp theo phiếu hẹn trả kết quả;

b) Từ tháng thứ hai trở đi người lao động thực hiện ngày thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày đầu tiên của tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp.

5.⁹ Người lao động thực hiện thông báo tìm kiếm việc làm trong trường hợp chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp như sau:

Trường hợp ngày thông báo về việc tìm kiếm việc làm của người lao động nằm trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp nhưng trước ngày người lao động nộp hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi chuyển đến thì người lao động không phải trực tiếp thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm. Người lao động thực hiện việc thông báo với trung tâm dịch vụ việc làm nơi chuyển đến theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp ngày thông báo về việc tìm kiếm việc làm của người lao động sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp thì người lao động thực hiện thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp người lao động đã nhận hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp nhưng chưa nộp cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi chuyển đến và không có nhu cầu chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp nữa thì thực hiện thông báo về việc tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều này với trung tâm dịch vụ việc làm nơi chuyển đi.

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

Trường hợp ngày thông báo về việc tìm kiếm việc làm của người lao động nằm trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp nhưng sau ngày người lao động nộp hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi chuyển đến thì người lao động phải trực tiếp thông báo về việc tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều này tại trung tâm dịch vụ việc làm nơi chuyển đến.

Ví dụ 14: Ông Nguyễn Văn X đang hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Hà Nội và có nhu cầu chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp đến Cà Mau. Ngày 10/5/2022, ông X nhận được hồ sơ đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp; ngày 19/5/2022, ông X nộp hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Cà Mau. Ngày thông báo về việc tìm kiếm việc làm của tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp mà ông X đang thực hiện thủ tục chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp là ngày 11-13/5/2022 (*trước thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ông X nhận được hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp*). Do đó, ông X không phải trực tiếp thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm.

Ví dụ 15: Ông Đinh Văn X đang hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Hải Dương và có nhu cầu chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp đến Vĩnh Long. Ngày 10/5/2022, ông X nhận được hồ sơ đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp; ngày 19/5/2022, ông X nộp hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Vĩnh Long. Ngày thông báo về việc tìm kiếm việc làm của tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp mà ông X đang thực hiện thủ tục chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp là ngày 20-24/5/2022 (*trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ông X nhận được hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp*). Do đó, ông X phải trực tiếp thông báo về việc tìm kiếm việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Vĩnh Long trong khoảng thời gian từ ngày 20-24/5/2022 theo quy định.

Ví dụ 15a: Bà Nguyễn Thị Y đang hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Bắc Ninh và có nhu cầu chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp đến Bạc Liêu. Ngày 04/5/2022, bà Y nhận được hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp, sau đó, thực hiện các thủ tục nộp hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp đến Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bạc Liêu. Ngày thông báo về việc tìm kiếm việc làm của tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp mà bà Y đang thực hiện thủ tục chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp là ngày 25-27/5/2022 (*sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp*), do đó, bà Y phải thực hiện thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng tại Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bạc Liêu trong khoảng thời gian từ ngày 25-27/5/2022.”

6. Người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp được coi là đã thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm khi đã ghi đúng và đầy đủ các nội dung trong thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm và chịu trách nhiệm về nội dung thông báo.

Chương V

HỖ TRỢ HỌC NGHỀ

Điều 11. Nội hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề

Người lao động có nhu cầu học nghề phải nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP được hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp thì nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề tại trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Ví dụ 16: Bà Mai Thị K đang hưởng trợ cấp thất nghiệp tại tỉnh Hải Dương. Trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp bà K có nhu cầu học nghề. Như vậy, bà K phải nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề cho Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Hải Dương để Trung tâm xem xét, tư vấn học nghề, trình Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương quyết định việc hỗ trợ học nghề cho bà K.

2. Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 09 tháng trở lên nhưng không thuộc diện đang hưởng trợ cấp thất nghiệp nếu có nhu cầu học nghề thì nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề cùng với hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp tại trung tâm dịch vụ việc làm ở địa phương nơi người lao động có nhu cầu học nghề.

Ví dụ 17: Ông Nguyễn Văn M làm việc tại tỉnh Bình Dương, có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp liên tục là 11 tháng. Khi chấm dứt hợp đồng lao động, ông M có nhu cầu học nghề tại thành phố Hồ Chí Minh thì ông M nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề cùng với hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp cho Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 12. Giải quyết hỗ trợ học nghề

1.¹⁰ (*được bãi bỏ*)

2. Sau thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ghi trong phiếu hẹn trả kết quả, nếu người lao động không đến nhận quyết định về việc hỗ trợ học nghề thì được coi là không có nhu cầu hỗ trợ học nghề trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày người lao động không đến nhận quyết định về việc hỗ trợ học nghề theo quy định, trung tâm dịch vụ việc làm trình Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định về việc hủy quyết định hỗ trợ học nghề của người lao động.¹¹

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận quyết định hỗ trợ học nghề, người lao động vẫn được nhận hoặc ủy quyền cho người khác nhận quyết định hỗ trợ học nghề nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Ốm đau, thai sản có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền;

¹⁰ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

¹¹ Đoạn này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

b) Bị tai nạn có xác nhận của cảnh sát giao thông hoặc cơ sở y tế có thẩm quyền;

c) Bị hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch họa, dịch bệnh có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

4.¹² Đối với trường hợp người lao động đề nghị hỗ trợ học nghề theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 61/2020/NĐ-CP, sau 03 tháng kể từ ngày hết thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề nếu người lao động không đến nhận Sổ bảo hiểm xã hội thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của 03 tháng nêu trên, trung tâm dịch vụ việc làm chuyên Sổ bảo hiểm xã hội của người lao động đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh để quản lý.

5. Hằng tháng, cơ sở dạy nghề lập danh sách và có chữ ký của người lao động đang học nghề chuyên tổ chức bảo hiểm xã hội để thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ học nghề theo tháng và thời gian thực tế người lao động tham gia học nghề.

6. Trình tự, thủ tục, hình thức chi trả hỗ trợ học nghề theo hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

7.¹³ Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề, trung tâm dịch vụ việc làm trình Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định về việc hỗ trợ học nghề cho người lao động khi người lao động đáp ứng đủ các điều kiện hỗ trợ học nghề theo quy định.

Ví dụ 17a: Bà Nguyễn Thị Q hưởng trợ cấp thất nghiệp từ ngày 04/3/2022 đến 03/6/2022. Ngày 04/4/2022, bà Q nộp Đề nghị hỗ trợ học nghề. Ngày 06/4/2022, bà Q có việc làm. Như vậy, bà Q đã tìm được việc làm trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề nên không đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ học nghề theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Việc làm.

Ví dụ 17b: Bà Nguyễn Thị S hưởng trợ cấp thất nghiệp từ ngày 05/4/2022 đến 04/7/2022. Ngày 06/5/2022, bà S nộp Đề nghị hỗ trợ học nghề tại tỉnh A và đến ngày 22/5/2022 bà S chưa tìm được việc làm. Như vậy, bà S đã đáp ứng đủ các điều kiện hỗ trợ học nghề theo quy định tại Điều 55 Luật Việc làm nên trong thời hạn từ ngày 23/5/2022 đến ngày 03/6/2022, trung tâm dịch vụ việc làm phải trình Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh A ban hành Quyết định về việc hỗ trợ học nghề cho bà S.”

8.¹⁴ Trường hợp người lao động có nhu cầu tham gia khóa đào tạo nghề đang được cơ sở đào tạo nghề nghiệp thực hiện thì vẫn được hỗ trợ học nghề nếu thời điểm bắt đầu khóa đào tạo nghề tính đến thời điểm ban hành quyết định hỗ trợ học nghề không quá 01 tháng và cơ sở đào tạo nghề nghiệp đảm bảo dạy bù kiến thức

¹² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

¹³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

¹⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

của khoảng thời gian trước thời điểm ban hành quyết định hỗ trợ học nghề. Thời điểm người lao động được tính hỗ trợ học nghề là ngày đầu tiên của khóa đào tạo nghề, thời điểm kết thúc là ngày cuối cùng của thời hạn hỗ trợ học nghề theo quy định tại Điều 56 Luật Việc làm.

Ví dụ 17c: Ngày 07/3/2022, ông Bùi Minh T đề nghị hỗ trợ học nghề điện dân dụng có thời gian đào tạo 09 tháng tại cơ sở đào tạo nghề nghiệp X; khóa đào tạo nghề này đã bắt đầu từ ngày 01/3/2022 đến ngày 30/11/2022. Ông T đáp ứng đủ các điều kiện về hỗ trợ học nghề tại Điều 55 Luật Việc làm. Ngày 24/3/2022, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định về việc hỗ trợ học nghề đối với ông T với thời gian được hỗ trợ học nghề 06 tháng từ ngày 01/3/2022 đến hết ngày 31/8/2022.”

9.¹⁵ Trường hợp người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp tại nơi ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp mà đề nghị và được hỗ trợ học nghề tại địa phương khác thì trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động được hỗ trợ học nghề gửi 01 bản quyết định về việc hỗ trợ học nghề cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Trường hợp người lao động đã chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp, sau đó, người lao động đề nghị và được hỗ trợ học nghề tại địa phương khác nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp thì trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động đề nghị hỗ trợ học nghề gửi 01 bản quyết định về việc hỗ trợ học nghề cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, đồng thời, xác định và gửi 01 bản quyết định về việc hỗ trợ học nghề cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Chương VI

HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG NGHỀ ĐỂ DUY TRÌ VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 13. Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Thông tin chung về đơn vị: Tên; địa chỉ; ngày thành lập; ngành, nghề hoặc lĩnh vực sản xuất kinh doanh, người đại diện.
2. Tình hình sản xuất, kinh doanh của đơn vị.
3. Tổng số lao động của đơn vị, số lao động có nguy cơ bị cắt giảm tại thời điểm đề nghị hỗ trợ (không bao gồm người lao động có giao kết hợp đồng lao động có thời hạn dưới 3 tháng), số lao động đề nghị được hỗ trợ.

¹⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

4. Nguyên nhân buộc phải thay đổi cơ cấu hoặc công nghệ sản xuất, kinh doanh.

5. Tổng kinh phí để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động (có dự toán chi tiết kèm theo bao gồm các chi phí để thực hiện phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động).

6. Cam kết tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và sử dụng lao động theo đúng phương án đã được phê duyệt.

Điều 14. Phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm

Phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm bao gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Thông tin chung về đơn vị: Tên; địa chỉ trụ sở; ngày thành lập; ngành, nghề hoặc lĩnh vực sản xuất kinh doanh, người đại diện.

2. Danh sách lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm tại đơn vị và nêu rõ ngành, nghề đào tạo; thời gian đào tạo; địa điểm đào tạo của từng người lao động.

3. Cơ sở đào tạo (ghi rõ cơ sở đào tạo thuộc đơn vị hay liên kết đào tạo, nếu liên kết đào tạo đề nghị kèm theo hợp đồng liên kết đào tạo, cơ sở đào tạo phải có đăng ký hoạt động dạy nghề theo quy định của pháp luật về dạy nghề).

4. Hình thức tổ chức đào tạo và dự kiến thời gian khai giảng và bế giảng của khóa học.

5. Phương án duy trì việc làm cho người lao động sau khi đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề bao gồm các nội dung sau:

a) Số lao động được tiếp tục làm việc hoặc thay đổi vị trí việc làm phù hợp với phương án chuyển đổi công nghệ sản xuất kinh doanh;

b) Cam kết của người sử dụng lao động về việc sử dụng lao động theo đúng phương án. Nếu người lao động không được bố trí việc làm thì người sử dụng lao động sẽ phải hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề.

6. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện.

Điều 15. Mức hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP

1. Đối với trường hợp khóa đào tạo được thực hiện tại cơ sở dạy nghề thì mức hỗ trợ kinh phí cụ thể để đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm của người lao động được tính theo tháng, thời gian học thực tế, mức thu học phí của từng nghề hoặc từng khóa đào tạo nghề theo quy định của cơ sở dạy

nghe nhưng không quá mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định 28/2015/NĐ-CP.

2. Đối với trường hợp khóa đào tạo do người sử dụng lao động thực hiện thì mức hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cụ thể của người lao động được tính theo tháng, thời gian học thực tế của từng nghề hoặc từng khóa đào tạo nhưng không quá mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định 28/2015/NĐ-CP.

3. Đối với trường hợp khóa học nghề có những ngày lễ không đủ tháng thì mức hỗ trợ được tính theo nguyên tắc: Dưới 15 ngày tính là $\frac{1}{2}$ tháng, từ đủ 15 ngày trở lên thì tính là 01 tháng để xác định mức hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

Ví dụ 18: Doanh nghiệp N được hỗ trợ kinh phí để đào tạo lắp ráp thiết bị điện tử cho 100 người lao động. Khóa đào tạo bắt đầu từ ngày 05/3/2015 đến ngày 15/5/2015 với mức hỗ trợ là 600.000 đồng/tháng/người (trong đó: Tháng thứ nhất được tính từ ngày 05/3/2015 đến ngày 04/4/2015; tháng thứ hai được tính từ ngày 05/4/2015 đến ngày 04/5/2015). Do đó, khóa đào tạo này có số ngày lễ được tính từ ngày 05/5/2015 đến ngày 15/5/2015. Số ngày lễ này dưới 15 ngày nên được tính là $\frac{1}{2}$ tháng. Như vậy, thời gian doanh nghiệp N được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề là 2,5 tháng với tổng số kinh phí được hỗ trợ là: 600.000 đồng x 100 người x 2,5 tháng = 150.000.000 đồng.

Chương VII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Thông báo tình hình biến động lao động

1. Người sử dụng lao động thông báo với trung tâm dịch vụ việc làm nơi đặt trụ sở làm việc về số lao động đang làm việc tại thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 2015 theo Mẫu số 28 ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm nêu trên.

Đối với các đơn vị thành lập sau ngày 01 tháng 10 năm 2015 thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thành lập phải thông báo với trung tâm dịch vụ việc làm nơi đặt trụ sở làm việc về số lao động làm việc tại đơn vị theo Mẫu số 28 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trước ngày 03 hàng tháng, người sử dụng lao động phải thông báo theo Mẫu số 29 ban hành kèm theo Thông tư này với trung tâm dịch vụ việc làm nơi đặt trụ sở làm việc về tình hình biến động lao động làm việc tại đơn vị nếu có (tính theo tháng dương lịch của tháng liền trước thời điểm thông báo).

3. Trường hợp, người sử dụng lao động giảm từ 50 lao động trở lên thì phải thông báo ngay với trung tâm dịch vụ việc làm nơi đặt trụ sở làm việc để được tư vấn, hỗ trợ kịp thời.

Điều 17. Báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp

1. Báo cáo định kỳ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định tại Khoản 3 Điều 38 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP

Định kỳ 06 tháng, trước ngày 31 tháng 7; định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 01, báo cáo về Cục Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn theo Mẫu số 30 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo định kỳ của trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định tại Khoản 5 Điều 34 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP .

a) Trước ngày 03 hằng tháng, báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) về việc thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn theo Mẫu số 31 ban hành kèm theo Thông tư này (tính theo tháng dương lịch của tháng liền trước thời điểm báo cáo);

b) Định kỳ 06 tháng, trước ngày 15 tháng 7; định kỳ hằng năm trước ngày 15 tháng 01, báo cáo về Sở Lao động- Thương binh và Xã hội và Cục Việc làm (Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội) về tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn theo Mẫu số 32 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 18. Thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp, tiền hỗ trợ học nghề và kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

1. Trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật hoặc giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp không đúng quy định của pháp luật thì cơ quan ban hành quyết định về việc hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp phải ban hành quyết định thu hồi số tiền đã chi sai.

2. Căn cứ quyết định thu hồi theo quy định tại Khoản 1 Điều này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện.

3. Tiền thu hồi theo quy định tại các Khoản 2 Điều này được chuyển vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 19. Các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư

1. Phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm của người lao động thực hiện theo Mẫu số 01.

2. Phiếu giới thiệu việc làm cho người lao động thực hiện theo Mẫu số 02

3. Đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động thực hiện theo Mẫu số 03.

4. Phiếu hẹn trả kết quả của trung tâm dịch vụ việc làm khi người lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề được thực hiện theo Mẫu số 04.

5. Quyết định của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp thực hiện theo Mẫu số 05.

6. Quyết định của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về việc tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp thực hiện theo Mẫu số 06.

7. Quyết định của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về việc tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với người lao động đang bị tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp thực hiện theo Mẫu số 07.

8. Đề nghị của người lao động về việc không hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Mẫu số 08.

9. Quyết định của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp thực hiện theo Mẫu số 09.

10. Đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp thực hiện theo Mẫu số 10.

11. Giấy giới thiệu của trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp về việc chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp thực hiện theo Mẫu số 11.

12. Thông báo của trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động chuyển đi với Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh về việc thực hiện chấm dứt chi trả trợ cấp thất nghiệp đối với người lao động thực hiện theo Mẫu số 12.

13. Đề nghị của trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động chuyển đến hưởng trợ cấp thất nghiệp với Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh nơi người lao động chuyển đến về việc tiếp tục thực hiện chi trả trợ cấp thất nghiệp thực hiện theo Mẫu số 13.

14. Thông báo của Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh nơi người lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp với trung tâm dịch vụ việc làm về việc người lao động không đến nhận tiền trợ cấp thất nghiệp thực hiện theo Mẫu số 14.

15. Quyết định của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về việc bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp trong trường hợp người lao động không đến nhận tiền trợ cấp thất nghiệp thực hiện theo Mẫu số 15.

16. Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng của người lao động trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp thực hiện theo Mẫu số 16.

17. Đề nghị không thực hiện thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng theo Mẫu số 17

18. Đề nghị hỗ trợ học nghề thực hiện theo Mẫu số 18.

19. Quyết định của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về việc hỗ trợ học nghề đối với người lao động thực hiện theo Mẫu số 19.

20. Quyết định của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về việc hủy quyết định hỗ trợ học nghề đối với người lao động thực hiện theo Mẫu số 20.

21. Xác nhận của trung tâm dịch vụ việc làm về việc đã giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề thực hiện theo Mẫu số 21.
22. Thông báo của trung tâm dịch vụ việc làm về việc người lao động không được hưởng trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề thực hiện theo Mẫu số 22.
23. Thông báo của người lao động với trung tâm dịch vụ việc làm khi thuộc một trong các trường hợp chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định thực hiện theo Mẫu số 23.
24. Quyết định của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về việc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động thực hiện theo Mẫu số 24.
25. Biên bản bàn giao sổ bảo hiểm xã hội thực hiện theo Mẫu số 25.
26. Quyết định của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt Phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm của người sử dụng lao động thực hiện theo Mẫu số 26.
27. Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động thực hiện theo Mẫu số 27.
28. Thông báo ban đầu về số lao động đang làm việc tại đơn vị theo Mẫu số 28.
29. Thông báo về tình hình biến động lao động của người sử dụng lao động thực hiện theo Mẫu số 29.
30. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp 6 tháng đầu năm, 01 năm thực hiện theo Mẫu số 30.
31. Trung tâm dịch vụ việc làm báo cáo Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Cục Việc làm (Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội) về tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp hằng tháng thực hiện theo Mẫu số 31.
32. Trung tâm dịch vụ việc làm báo cáo Sở Lao động-Thương binh và Xã hội và Cục Việc làm (Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội) về tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp 6 tháng đầu năm, 01 năm thực hiện theo Mẫu số 32.
33. Người sử dụng lao động báo cáo Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về tình hình tham gia bảo hiểm thất nghiệp hằng năm thực hiện theo Mẫu số 33.
34. Quyết định thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp theo Mẫu số 34.
35. Quyết định thu hồi tiền hỗ trợ học nghề theo Mẫu số 35.
36. Quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo Mẫu số 36.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành¹⁶

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2015. Các chế độ quy định tại Thông tư này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Các Thông tư sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư 32/2010/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp;

b) Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2010.

3. Những trường hợp tính thời hạn theo dương lịch tại Thông tư này mà ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần thì ngày cuối cùng của thời hạn là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội để hướng dẫn, bổ sung kịp thời./.

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

Số: 3305/VBHN-BLĐTBXH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2024

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ (để đăng tải);
- Lưu: VT, CVL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Văn Thanh

¹⁶ Điều 2 Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024 quy định như sau:

“Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

2. Các Mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH.

3. Cục trưởng Cục Việc làm, Thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết”.

Mẫu số 01¹⁷: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TƯ VẤN, GIỚI THIỆU VIỆC LÀM

Kính gửi: Trung tâm Dịch vụ việc làm.....

Họ và tên: sinh ngày / /

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:

Cấp ngày.... tháng.... năm..... Nơi cấp

Số sổ BHXH:

Số điện thoại:..... Địa chỉ email (nếu có).....

Chỗ ở hiện nay (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (1):

Tình trạng sức khỏe :.....

Chiều cao (cm): Cân nặng (kg):

Trình độ giáo dục phổ thông:

Ngoại ngữ:..... Trình độ:.....

Tin học: Trình độ:.....

Trình độ đào tạo:

Số TT	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo (2)
1		
2		
....		

Trình độ kỹ năng nghề (nếu có).....

Khả năng nổi trội của bản thân:.....

.....

.....

.....

¹⁷ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

I. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC

Số TT	Tên đơn vị đã làm việc	Thời gian làm việc (Từ ngày.../.../....đến ngày. ../.../...)	Vị trí công việc đã làm
1			
2			
.....			

Mức lương (trước lần thất nghiệp gần nhất):.....

Lý do thất nghiệp gần nhất:.....

II. TÌNH TRẠNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM HIỆN NAY

Đã liên hệ tìm việc làm ở đơn vị nào (từ lần thất nghiệp gần nhất đến nay):.....

.....

III. NHU CẦU TƯ VẤN, GIỚI THIỆU VIỆC LÀM

1. Tư vấn

Chính sách, pháp luật về lao động việc làm

Việc làm

Bảo hiểm thất nghiệp

Khác

2. Giới thiệu việc làm

Vị trí công việc:

Mức lương thấp nhất:

Điều kiện làm việc:.....

Địa điểm làm việc:

Khác:.....

Loại hình đơn vị: Nhà nước ; Ngoài nhà nước ; Có vốn đầu tư nước ngoài

....., ngày..... tháng..... năm

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc.

(2) Công nhân kỹ thuật không có chứng chỉ nghề, chứng chỉ nghề ngắn hạn dưới 03 tháng, sơ cấp từ 03 tháng đến dưới 12 tháng, trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên.

Mẫu số 02¹⁸: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH
VÀ XÃ HỘI
TỈNH/THÀNH PHỐ...
**TRUNG TÂM
DỊCH VỤ VIỆC LÀM**
(Đóng dấu treo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày ... tháng ... năm

PHIẾU GIỚI THIỆU VIỆC LÀM
(*Bản lưu*)

Kính gửi (1):

Trung tâm Dịch vụ việc làm trân trọng giới thiệu:

Ông/bà:..... sinh ngày / /.....

Số định danh cá nhân/CMND:
cấp ngày ... tháng ... năm Nơi cấp

Số sổ BHXH:.....

Điện thoại:.....email (*nếu có*).....

Chỗ ở hiện nay (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):.....

Trình độ giáo dục phổ thông:.....

Trình độ chuyên môn kỹ thuật:.....

Kinh nghiệm làm việc:.....

Vị trí dự tuyển:.....

Đến Quý đơn vị để liên hệ, dự tuyển lao động.

Phiếu giới thiệu việc làm có giá trị hết ngày/...../.....

**Người lao động được giới
thiệu việc làm**
(*Ký, và ghi rõ họ tên*)

Người giới thiệu
(*Ký, và ghi rõ họ tên*)

Ghi chú:

(1) Tên đơn vị mà Trung tâm Dịch vụ việc làm giới thiệu cho người lao động

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
TỈNH/THÀNH PHỐ.....
**TRUNG TÂM
DỊCH VỤ VIỆC LÀM**
(Đóng dấu treo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày ... tháng ... năm

PHIẾU GIỚI THIỆU VIỆC LÀM

Kính gửi (1):

Trung tâm Dịch vụ việc làm trân trọng giới thiệu:
Ông/bà:sinh ngày / /.....

Số định danh cá nhân/CMND:
cấp ngày ... tháng ... năm Nơi cấp

Số sổ BHXH:.....

Điện thoại:.....email (*nếu có*).....

Chỗ ở hiện nay (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):.....

Trình độ giáo dục phổ thông:

Trình độ chuyên môn kỹ thuật:

Kinh nghiệm làm việc:

Vị trí dự tuyển:

Đến Quý đơn vị để liên hệ, dự tuyển lao động.

Phiếu giới thiệu việc làm có giá trị hết ngày/...../.....

Người giới thiệu
(*Ký và ghi rõ họ tên*)

Ghi chú:

(1) Tên đơn vị mà Trung tâm Dịch vụ việc làm giới thiệu cho người lao động

¹⁸ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

Mẫu số 03¹⁹: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP

Kính gửi: Trung tâm Dịch vụ việc làm

Tên tôi là:..... sinh ngày /..... /.....
Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân: cấp
ngày..... tháng..... năm..... Nơi cấp:.....
Số sổ BHXH:
Số điện thoại:.....Địa chỉ email (nếu có).....
Số tài khoản (ATM nếu có)..... tại ngân hàng:.....
Trình độ đào tạo:.....
Ngành nghề đào tạo:.....
Chỗ ở hiện nay (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (1):.....

.....
Ngày /..... /....., tôi đã chấm dứt hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc với (tên đơn vị).....
tại địa chỉ:.....

Lý do chấm dứt hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc:.....

.....
Loại hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc:.....
Số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp.....tháng.
Nơi đề nghị nhận trợ cấp thất nghiệp (BHXH quận/huyện hoặc qua thẻ ATM):.....

Kèm theo Đề nghị này là (2)..... và
Số bảo hiểm xã hội của tôi. Đề nghị quý Trung tâm xem xét, giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp cho tôi theo đúng quy định.

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng năm

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc.
- (2) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

¹⁹ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

Mẫu số 04²⁰: (được bãi bỏ)

Mẫu số 05²¹: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...
**SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số:

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH, THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH;

Căn cứ..... (văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội);

Căn cứ Hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp của ông/bà.....;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp thất nghiệp đối với:

Ông/bà Sinh ngày / /

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân: cấp ngày.....tháng.....năm.....nơi cấp:.....

²⁰ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

²¹ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

Số sổ BHXH.....
Chỗ ở hiện nay (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (1):.....
Số tài khoản ATM(nếu có)..... tại ngân hàng:.....
Tổng số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp để giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp:tháng.
Mức trợ cấp thất nghiệp hằng tháng:..... đồng
(Số tiền bằng chữ:đồng)
Số tháng được hưởng trợ cấp thất nghiệp:..... tháng.
Nơi nhận trợ cấp thất nghiệp (2):
Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp từ ngày.../.../.... đến ngày.../.../.....
Số tháng đã đóng bảo hiểm thất nghiệp chưa giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp được bảo lưu (nếu có):tháng

Điều 2. Trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp, ông/bà có trách nhiệm tích cực tìm kiếm việc làm và thực hiện việc thông báo hằng tháng với Trung tâm Dịch vụ việc làm về việc tìm kiếm việc làm theo quy định. Ngày thông báo về việc tìm kiếm việc làm thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm..... và ông/bà có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT,.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc.
- (2) Ghi rõ nơi nhận trợ cấp thất nghiệp là bảo hiểm xã hội cấp huyện.

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ VIỆC THÔNG BÁO TÌM KIẾM VIỆC LÀM HÀNG THÁNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày...../...../.....)

Trung tâm Dịch vụ việc làm.....thông báo cho ông/bà ngày thông báo hàng tháng về việc tìm kiếm việc làm trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Ngày, tháng thông báo	Thông tin về việc thông báo tìm kiếm việc làm hàng tháng		Xác nhận của TT GTVL (<i>Chữ ký của cán bộ tiếp nhận thông báo</i>)	Ghi chú
		Đã thông báo	Chưa thông báo		
1/...../.....				
2/...../..... đến ngày...../...../.....				
3/...../..... đến ngày...../...../.....				
4/...../..... đến ngày...../...../.....				
5/...../..... đến ngày...../...../.....				
6/...../..... đến ngày...../...../.....				
7/...../..... đến ngày...../...../.....				
8/...../..... đến ngày...../...../.....				
9/...../..... đến ngày...../...../.....				
10/...../..... đến ngày...../...../.....				
11/...../..... đến ngày...../...../.....				
12/...../..... đến ngày...../...../.....				

Ghi chú:

Khi đến Trung tâm Dịch vụ việc làm để thông báo tìm kiếm việc làm ông (bà) phải mang theo căn cước công dân/chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác có dán ảnh (giấy phép lái xe, thẻ đảng viên, hộ chiếu,...) và bản thông tin này để cán bộ Trung tâm xác nhận về việc thông báo tìm kiếm việc làm của ông/bà.

Mẫu số 06²²: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....
**SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số:

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH/THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH;

Căn cứ..... (văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội);

Căn cứ Quyết định số ngày .././..... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp kể từ ngày.././.....(1) đối với:

Ông/bà sinh ngày //.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:cấp ngày.....tháng.....năm..... Nơi cấp:.....

Số sổ BHXH.....

Chỗ ở hiện nay (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):.....

²² Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

.....
Tổng số tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp:tháng.

Tổng số tháng đã hưởng trợ cấp thất nghiệp:.....tháng.

Lý do tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp: ông/bà không thực hiện thông báo về việc tìm kiếm việc làm tháng theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố.....; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm..... và ông/bà có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ngày tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp là ngày đầu tiên của tháng bị tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp

Mẫu số 07²³: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
VÀ XÃ HỘI

Số:

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH/THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH;

Căn cứ..... (văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội);

Căn cứ Quyết định số ngày .../.../..... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với:

Ông/bà sinh ngày //.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân: cấp ngày.....tháng.....năm..... Nơi cấp.....

Số sổ BHXH.....

²³ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

Chỗ ở hiện nay (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):.....

.....

Tổng số tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp:..... tháng.

Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp từ ngày...../...../.....

Được tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp từ ngày (1)/...../.....

Lý do: ông/bà đã tiếp tục thực hiện thông báo về việc tìm kiếm việc làm tháng
.....theo quy định.

Số tháng được hưởng trợ cấp thất nghiệp còn lại:.....tháng

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố.....; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm..... và ông/bà có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ngày tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp là ngày đầu tiên của tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp tiếp theo

Mẫu số 08²⁴: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KHÔNG HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP

Kính gửi: Trung tâm Dịch vụ việc làm

Tên tôi là: Sinh ngày/...../.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân: cấp
ngày.....tháng.....năm.... Nơi cấp.....

Số sổ BHXH.....

Chỗ ở hiện nay (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):.....

.....

Tôi đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp ngày...../...../.....
nhưng hiện nay, tôi không có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp vì:

.....

.....

Do đó, tôi đề nghị không hưởng trợ cấp thất nghiệp để bảo lưu thời gian đóng
bảo hiểm thất nghiệp.

Tôi xin trân trọng cảm ơn./.

....., ngày tháng năm

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

²⁴ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

Mẫu số 09²⁵: (được bãi bỏ)

Mẫu số 10²⁶: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NƠI HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP

Kính gửi: Trung tâm Dịch vụ việc làm

Tên tôi là: sinh ngày...../...../.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân: cấp
ngày.....tháng.....năm.... Nơi cấp.....

Số sổ BHXH:.....

Chỗ ở hiện nay (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):.....

.....
Hiện nay, tôi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số ngày
...../...../..... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành
phố.....

Tổng số tháng được hưởng trợ cấp thất nghiệp:.....tháng

Đã hưởng trợ cấp thất nghiệp:tháng

Nhưng vì lý do:

.....
.....
tôi đề nghị quý Trung tâm chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp đến tỉnh/thành
phố.....để tôi được tiếp tục hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp
theo quy định./.

....., ngày tháng năm

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

²⁵ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

²⁶ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

Mẫu số 11: Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI TỈNH/THÀNH PHỐ...
TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

Số.....

GIẤY GIỚI THIỆU
Về việc chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp

Kính gửi: Trung tâm Dịch vụ việc làm

Theo đề nghị của ông/bà..... tại Đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp ngày...../...../.....

Trung tâm Dịch vụ việc làmgiới thiệu:

Ông/bà:

Đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số..... ngày...../...../.....của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố

Số tháng đã hưởng trợ cấp thất nghiệp:.....tháng, tính từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../..... với mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng làđồng.

Đến quý Trung tâm để tiếp tục hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành.

Hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của ông/bà gồm:

- Đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động;
- Giấy giới thiệu chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp;
- Bản chụp quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp;
- Bản chụp các quyết định hỗ trợ học nghề, quyết định tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyết định tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp;
- Bản chụp thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng;
- Giấy tờ khác:.....

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Trung tâm./.

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ông/bà..... (để thực hiện);
- Lưu: VT,

Mẫu số 12²⁷: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI TỈNH/THÀNH PHỐ.....
TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....
Về việc chấm dứt chi trả TCTN
đối với ông/bà.....

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: BHXH tỉnh/thành phố

Theo Đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp ngày..... /.../ ... của ông/bà....., Trung tâm Dịch vụ việc làm đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố chấm dứt thực hiện việc chi trả trợ cấp thất nghiệp của:

Ông/bà:..... sinh ngày...../...../.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân: cấp ngày.....tháng.....năm.... Nơi cấp.....

Số sổ BHXH.....

Được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số..... ngày...../...../..... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố..... và hiện nay đã thực hiện chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp đến tỉnh/thành phố.....

Số tháng còn lại chưa nhận trợ cấp thất nghiệp là:..... tháng với mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng là:..... đồng.

Cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

²⁷ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

Mẫu số 13²⁸: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI TỈNH/THÀNH PHỐ.....
TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....
Về việc tiếp tục thực hiện chi trả
TCTN đối với ông/bà.....

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: BHXH tỉnh/thành phố (1).....

Theo Giấy giới thiệu về việc chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của Trung tâm Dịch vụ việc làm ngày..... /...../..... Đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố thực hiện việc chi trả trợ cấp thất nghiệp và cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành cho:

Ông/bà:..... sinh ngày...../...../.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân: cấp ngày... tháng... năm.... Nơi cấp.....

Số sổ BHXH.....

Đang được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số..... ngày...../...../..... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố.....(có bản chụp quyết định kèm theo).

Số tháng còn lại chưa nhận trợ cấp thất nghiệp:..... tháng với mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng là:..... đồng.

Cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BHXH (1).....(để biết);
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố..... (nơi người lao động chuyển đến)

²⁸ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

Mẫu số 14: Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BHXH TỈNH/TP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số
Về việc người lao động không đến
nhận tiền trợ cấp thất nghiệp

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: Trung tâm Dịch vụ việc làm

Theo Quyết định số ngày/...../..... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố..... về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố đã tổ chức chi trả trợ cấp thất nghiệp cho ông/bà như sau:

Số tháng ông/bà.....đã nhận tiền trợ cấp thất nghiệp là:tháng, với tổng số tiền tương ứng là: đồng (*bằng chữ*.....).

Số tháng ông/bàchưa đến nhận tiền trợ cấp thất nghiệp là:tháng, với tổng số tiền tương ứng là:..... đồng (*bằng chữ*.....).

Hiện nay, đã quá thời hạn nhận tiền trợ cấp thất nghiệp theo quy định nhưng ông/bà vẫn chưa đến nhận tiền trợ cấp thất nghiệp của tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp thứ.....,.....,..... với tổng số tiền là đồng (*bằng chữ*.....đồng).

Đề nghị Trung tâm Dịch vụ việc làm thực hiện các thủ tục để bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng với thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp mà ông/bà chưa đến nhận tiền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 15: Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP.....
**SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH/THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ..... (văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội);

Căn cứ Quyết định số ngày .../.../..... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông/bà..... được bảo lưu..... tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng với tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp mà ông/bà chưa nhận tiền trợ cấp thất nghiệp tại Bảo hiểm xã hội cấp huyện theo Quyết định số..... ngày .../.../..... để làm căn cứ tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần hưởng tiếp theo khi đáp đủ điều kiện theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm và ông/bà có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 16²⁹: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO VỀ VIỆC TÌM KIẾM VIỆC LÀM
Tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp thứ:.....

Kính gửi: Trung tâm Dịch vụ việc làm

Tên tôi là:sinh ngày / /.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân: cấp ngày.....tháng.....năm..... Nơi cấp.....

Chỗ ở hiện nay (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):.....

Số điện thoại :.....

Theo Quyết định số..... ngày...../...../..... tôi được hưởng trợ cấp thất nghiệp.....tháng, kể từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../..... tại tỉnh/thành phố.....

Tôi thông báo kết quả tìm kiếm việc làm theo quy định, cụ thể như sau:

(1) Đơn vị thứ nhất (*Tên đơn vị, địa chỉ, người trực tiếp liên hệ, vị trí công việc dự tuyển, kết quả*).

.....
.....
.....

(2) Đơn vị thứ hai (*Tên đơn vị, địa chỉ, người trực tiếp liên hệ, vị trí công việc dự tuyển, kết quả*).

.....
.....
.....

(...) Tên đơn vị thứ (...): (*Tên đơn vị, địa chỉ, người trực tiếp liên hệ, vị trí công việc dự tuyển, kết quả*).

.....
.....
.....

Tình trạng việc làm hiện nay:

Không có việc làm

Có việc làm nhưng chưa giao kết HĐLĐ/HĐLV (*ghi rõ tên đơn vị, địa chỉ, công việc đang làm*)

Tình trạng khác (*ốm đau, thai sản,*).....

²⁹ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày..... tháng.... năm.....

Người thông báo

(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 17³⁰: (được bãi bỏ)

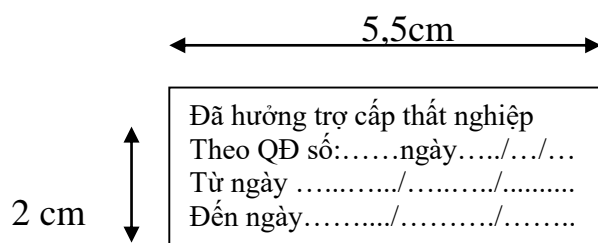
Mẫu số 18³¹: (được bãi bỏ)

Mẫu số 19³²: (được bãi bỏ)

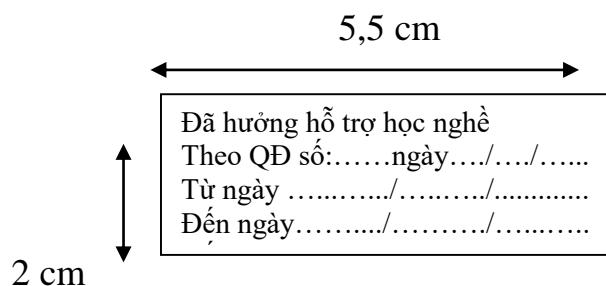
Mẫu số 20³³: (được bãi bỏ)

Mẫu số 21³⁴: Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

I. Mẫu xác nhận về việc đã giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp



II. Mẫu xác nhận về việc đã giải quyết hỗ trợ học nghề



Ghi chú: Trung tâm Dịch vụ việc làm ký và đóng dấu Trung tâm vào góc bên phải của xác nhận.

³⁰ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

³¹ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

³² Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

³³ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

³⁴ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

Mẫu số 22³⁵: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI TỈNH/THÀNH PHỐ ...
TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số:.....

THÔNG BÁO

Về việc không được hưởng trợ cấp thất nghiệp/hỗ trợ học nghề

Kính gửi: Ông/bà.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân: cấp
ngày.....tháng.....năm..... Nơi cấp.....

Số sổ BHXH.....

Chỗ ở hiện nay (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):.....

Ngày...../...../....., Trung tâm Dịch vụ việc làm nhận được hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp/hỗ trợ học nghề của ông/bà.

Căn cứ quy định của pháp luật về điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp/hỗ trợ học nghề, Trung tâm Dịch vụ việc làm thông báo trường hợp của ông/bà không được hưởng trợ cấp thất nghiệp/hỗ trợ học nghề, lý do:

.....
...../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

³⁵ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

Mẫu số 23³⁶: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Về việc (1)

Kính gửi: Trung tâm Dịch vụ việc làm

Tên tôi là:..... sinh ngày:.....
Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân: cấp
ngày.....tháng.....năm..... Nơi cấp.....
Số sổ BHXH :.....
Chỗ ở hiện nay (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):.....

.....
Hiện nay, tôi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số.....
ngày/...../..... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành
phố.....

Tổng số tháng tôi đã hưởng trợ cấp thất nghiệp: tháng

Nhưng vì lý do (1).....

.....
nên tôi gửi thông báo này (kèm theo bản sao giấy tờ có liên quan).

Trường hợp người lao động chưa có bản sao hợp đồng lao động hoặc hợp
đồng làm việc (2).

Đề nghị quý Trung tâm xem xét, thực hiện các thủ tục về chấm dứt hưởng trợ
cấp thất nghiệp để bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng với số
tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp mà tôi chưa nhận tiền tại cơ quan bảo hiểm xã hội./.

....., ngày ... tháng ... năm

Người thông báo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú :

(1) Có việc làm; thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hưởng lương hưu hằng
tháng; đi học tập có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên.

(2) Người lao động phải cam kết thể hiện rõ ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm
việc, lý do chưa có hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc và sẽ nộp bổ sung trong thời hạn
03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.

³⁶ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

Mẫu số 24³⁷: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
VÀ XÃ HỘI , ngày tháng năm

Số:

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH;

Căn cứ..... (văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội);

Căn cứ Quyết định số..... ngày/...../..... của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp của ông/bà.....;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp kể từ ngày/...../..... đối với:

Ông/bàsinh ngày / /.....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân: cấp ngày.....tháng.....năm..... Nơi cấp:.....

Số sổ BHXH.....

Chỗ ở hiện nay (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):.....

³⁷ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

.....
Lý do chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp:
.....

Tổng số tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp là:tháng

Số tháng đã hưởng trợ cấp thất nghiệp:.....tháng

Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu (*nếu có*): tháng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố.....,
Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làmvà ông/bà có tên trên chịu trách
nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 25: Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO
SỔ BẢO HIỂM XÃ HỘI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hôm nay, ngày...../...../tại, chúng tôi gồm:

Bên A (*bên trả sổ bảo hiểm xã hội*): Trung tâm Dịch vụ việc làm

Đại diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Bên B (*bên nhận sổ bảo hiểm xã hội*): Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố.....

Đại diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Bên A đã bàn giao sổ bảo hiểm xã hội cho bên B với số lượng quyển (*danh sách kèm theo*) (1). Sau khi nhận bàn giao, Bên B đã kiểm tra lại sổ và không thấy bị hư hỏng hoặc sửa chữa, tẩy xóa; sổ được bảo quản đúng hiện trạng.

Biên bản bàn giao sổ bảo hiểm xã hội được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Danh sách kèm theo, bao gồm một số nội dung cơ bản sau: họ tên, số sổ, ngày cấp, nơi cấp,...

Mẫu số 26: Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...
**SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm cho người lao động

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH/THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ..... (văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

Căn cứ Phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm cho người lao động ngày/...../..... của (tên đơn vị đề nghị hỗ trợ)

Theo đề nghị của Trưởng phòng..... (phòng thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện việc thẩm định phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm cho người lao động),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm cho người lao động” của (tên đơn vị đề nghị hỗ trợ)..... (có Phương án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng (phòng thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện việc thẩm định phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm cho người lao động)..... (người đại diện đơn vị đề nghị hỗ trợ) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 27: Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì
việc làm cho người lao động**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ..... (văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân);

Căn cứ Đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động ngày/...../..... của (tên đơn vị đề nghị hỗ trợ)

Căn cứ Quyết định số ngày..../...../..... của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt Phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm cho người lao động;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ kinh phí cho (đơn vị đề nghị hỗ trợ) để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số ngày..../...../..... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

Tổng số người lao động được hỗ trợ: người;

Tổng số tiền được hỗ trợ:.....đồng (bằng chữ.....)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố.....; Thủ trưởng cơ sở dạy nghề (nếu có) và (người đại diện đơn vị đề nghị hỗ trợ)chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT,.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 28: Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO BAN ĐẦU VỀ SỐ LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC TẠI ĐƠN VỊ

Kính gửi: Trung tâm Dịch vụ việc làm

Thực hiện quy định tại Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội,(Tên đơn vị) thông báo với quý Trung tâm số lao động đang làm việc tại đơn vị như sau:

STT	Họ và tên	Thông tin cá nhân					Trình độ chuyên môn, kỹ thuật						Loại HDLĐ/HĐLV				Ngày, tháng, năm HDLĐ/HĐLV có hiệu lực	Vị trí công việc đang làm	Nếu thuộc đối tượng tham gia BHTN	
		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Số CMND	Số sổ BHXH (nếu có)	CN kỹ thuật không bằng	Chứng chỉ nghề ngắn hạn dưới 3 tháng	Sơ cấp từ 3-12 tháng	Trung cấp	Cao đẳng	ĐH trở lên	Không xác định thời hạn	Từ đủ 12 tháng đến dưới 36 tháng	Từ đủ 3 tháng đến dưới 12 tháng	Dưới 3 tháng			Mức lương đóng BHTN (nghìn đồng)	Thời gian đã tham gia BHTN tại đơn vị (tháng)
		Nam	Nữ																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1																				
2																				
...																				
Tổng số (người)		x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 29: Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

Tên đơn vị:
 Địa chỉ:
 Điện thoại:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO VỀ TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG LAO ĐỘNG

Kính gửi: Trung tâm Dịch vụ việc làm.....

Thực hiện quy định tại Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ,.....(Tên đơn vị) thông báo với quý Trung tâm tình hình biến động lao động tại đơn vị như sau:

I. THÔNG TIN VỀ SỐ LAO ĐỘNG ĐẦU KỲ - CUỐI KỲ

Thời điểm báo cáo	Tổng số lao động		Trình độ chuyên môn kỹ thuật						Loại HDLĐ/HDLV				Tổng số người tham gia BHTN
	Tổng số	Trong đó nữ	Công nhân kỹ thuật không bằng	Chứng chỉ nghề ngắn hạn dưới 3 tháng	Sơ cấp từ 3-12 tháng	Trung cấp	Cao đẳng	ĐH trở lên	Không xác định thời hạn	Từ đủ 12 tháng đến dưới 36 tháng	Từ đủ 3 tháng đến dưới 12 tháng	Dưới 3 tháng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đầu kỳ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Số tăng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Số giảm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Cuối kỳ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

II. DANH SÁCH LAO ĐỘNG GIẢM

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Thông tin cá nhân			Trình độ chuyên môn kỹ thuật	Loại HĐLĐ/HĐLV	Ngày, tháng, năm HĐLĐ/HĐLV có hiệu lực	Ngày, tháng, năm chấm dứt HĐLĐ/HĐLV	Thuộc đối tượng tham gia BHTN	Lý do giảm														
				Dân tộc	Số CMND	Số sổ BHXH (nếu có)						Nghỉ hưu	Đơn phương chấm dứt HĐLĐ/HĐLV	Thay đổi cơ cấu công nghệ	Thỏa thuận chấm dứt	Lý do khác										
		Nam	Nữ														a	b	c	d	e					
1	2	3	4	5	6	7	8					9	10	11	12	13	14	15	16	17						
1																										
2																										
...																										

III. DANH SÁCH LAO ĐỘNG TĂNG

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Thông tin cá nhân			Trình độ chuyên môn kỹ thuật	Loại HĐLĐ/HĐLV	Ngày, tháng, năm HĐLĐ/HĐLV có hiệu lực	Vị trí công việc đang làm	Nếu thuộc đối tượng tham gia BHTN																
				Dân tộc	Số CMND	Số sổ BHXH (nếu có)					Mức lương đóng BHTN (nghìn đồng)	Thời gian đã tham gia BHTN (tháng)															
		Nam	Nữ										8	9	10	11	12	13									
1	2	3	4	5	6	7	a	b	c	d	10	11	12	13													
1																											
2																											
...																											
Tổng số		x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

IV. THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

S T T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Thông tin cá nhân			Thuộc đối tượng tham gia BHTN	Nội dung thay đổi thông tin									
		Nam	Nữ	Dân tộc	Số CMND	Số sổ BHXH (nếu có)		Tiền lương		Vị trí công việc		Trình độ chuyên môn kỹ thuật		Lĩnh vực đào tạo		Loại HĐLĐ/HĐLV	
								Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1																	
2																	
...																	

V. TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG/HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Thông tin cá nhân			Trình độ chuyên môn kỹ thuật	Loại HĐLĐ/HĐLV	Ngày, tháng, năm HĐLĐ/HĐLV có hiệu lực	Thuộc đối tượng tham gia BHTN	Tạm hoãn HĐLĐ/HĐLV									
		Nam	Nữ	Dân tộc	Số CMND	Số sổ BHXH					Thời gian bắt đầu tạm hoãn	Thời gian kết thúc tạm hoãn								
													8	9						
1	2	3	4	5	6	7	a	b	c	d	e	a	b	c	d	10	11	12	13	
1																				
2																				
.....																				

Ghi chú:

1. Nội dung thông tin về “Trình độ chuyên môn kỹ thuật” trong Mục II, Mục III, Mục IV, Mục V

“8a”: Công nhân kỹ thuật không bằng

“8b”: Chứng chỉ nghề ngắn hạn dưới 3 tháng

“8c”: Sơ cấp từ 3 tháng đến dưới 12 tháng

“8d”: Trung cấp

“8đ”: Cao đẳng

“8e”: Đại học trở lên

2. Nội dung thông tin về “Loại HĐLĐ/HĐLV” trong Mục II, Mục III, Mục IV, Mục V

“9a”: HĐLĐ/HĐLV không xác định thời hạn

“9b”: HĐLĐ/HĐLV có xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến dưới 36 tháng

“9c”: HĐLĐ/HĐLV từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng.

“9d”: HĐLĐ/HĐLV dưới 03 tháng

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 30: Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
VÀ XÃ HỘI

Số:

....., ngày tháng năm.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP
06 THÁNG ĐẦU NĂM 20.....(HOẶC NĂM 20.....)**

Kính gửi:

- Cục Việc làm (Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

Thực hiện Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội báo cáo tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp 06 tháng đầu năm 20..... (hoặc năm 20.....) như sau:

I. TỔNG SỐ DOANH NGHIỆP, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN:.....đơn vị

Trong đó:

- Số doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trên địa bàn thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp:.....đơn vị.

- Số doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trên địa bàn đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp:.....đơn vị.

II. TỔNG SỐ NGƯỜI GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC:.....người

Trong đó:

1. Số người giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trên địa bàn thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp:..... người.

2. Số người giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trên địa bàn đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp:..... người.

III. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

1. Số người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp:.....người.

2. Số người chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp đi địa phương khác:.....người.

3. Số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp:.....người.
4. Số tiền chi trả trợ cấp thất nghiệp:..... đồng.
5. Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm:..... người.
6. Số người được hỗ trợ học nghề:.....người, trong đó số người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp được hỗ trợ học nghề là:.....người.
7. Số tiền chi trả hỗ trợ học nghề:..... đồng, trong đó số tiền chi trả hỗ trợ học nghề đối với người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp là:..... đồng.
8. Số người sử dụng lao động được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động:.....người
9. Số tiền chi trả hỗ trợ người sử dụng lao động để đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động:..... đồng.
10. Vấn đề tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương.

(Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo giới tính, trình độ đào tạo, công việc và loại hình doanh nghiệp, tổ chức; nêu rõ những nguyên nhân).

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ

1. Phương hướng.
2. Các giải pháp của địa phương để triển khai thực hiện tốt chính sách bảo hiểm thất nghiệp.
3. Những kiến nghị cụ thể với các cơ quan Trung ương, các ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về chính sách, tài chính, cán bộ và các vấn đề khác có liên quan.

Trên đây là báo cáo 06 tháng đầu năm 20..... (hoặc năm 20.....) của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 31: Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI TỈNH/THÀNH PHỐ.....
TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP
THÁNG.....NĂM 20.....**

Kính gửi:

- Cục Việc làm (Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)
- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố.....

I. Tình hình tiếp nhận và giải quyết các chế độ bảo hiểm thất nghiệp

TT	Nội dung		Số lượng	Lũy kế
1	Số người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp (TCTN) (người)			
	Trong đó: số người ở địa phương khác nộp hồ sơ đề nghị hưởng TCTN (người)			
2	Số người nộp hồ sơ nhưng không đủ điều kiện hưởng TCTN (người)			
3	Số người có quyết định hưởng TCTN hàng tháng (người)	Tổng		
		Nam	< = 24 tuổi	
			25 - 40 tuổi	
			> 40 tuổi	
		Nữ	< = 24 tuổi	
			25 - 40 tuổi	
> 40 tuổi				
4	Số người bị hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (người)			
5	Số người chuyển nơi hưởng TCTN (người)	Chuyển đi		
		Chuyển đến		
6	Số người tạm dừng trợ cấp thất nghiệp (người)			
7	Số người tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp (người)			
8	Số người chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (người)	Tổng		
		Trong đó: Hết thời gian hưởng		
		Trong đó: Có việc làm		
		Trong đó: Không thông báo tìm kiếm VL trong 03 tháng liên tục		
		Trong đó: Bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo hiểm thất nghiệp		
		Khác		

9	Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm (người)				
	Trong đó: số người được giới thiệu việc làm (người)				
10	Số người có quyết định hỗ trợ học nghề (người)	Tổng			
		Trong đó: số người đang hưởng TCTN được hỗ trợ học nghề			
11	Số người hủy quyết định hỗ trợ học nghề (người)				
12	Số tiền chi trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề theo quyết định (triệu đồng)	Tổng			
		Số tiền chi trợ cấp thất nghiệp			
		03 tháng - 06 tháng	Số quyết định		
			Số tiền chi TCTN		
		07 tháng - 12 tháng	Số quyết định		
			Số tiền chi TCTN		
		Số tiền chi hỗ trợ học nghề			
		Số tiền chi đối với người đang hưởng TCTN được hỗ trợ học nghề			
Số tiền chi đối với người không thuộc diện đang hưởng TCTN được hỗ trợ học nghề					
13	Mức hưởng TCTN bình quân (triệu đồng)				
14	Số người lao động có mức hưởng TCTN tối đa (người)				
15	Số tháng hưởng TCTN bình quân (tháng)				

II. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, các giải pháp và các kiến nghị

(Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn. Những vấn đề phát sinh, nguyên nhân và các kiến nghị, đề xuất).

Trên đây là báo cáo tháng..... năm 20.....của Trung tâm Dịch vụ việc làm về tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 32: Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI TỈNH/THÀNH PHỐ...
TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP 06 THÁNG ĐẦU NĂM 20.....(HOẶC NĂM 20....)

Kính gửi:

- Cục Việc làm (Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)
- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố.....

Thực hiện Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Trung tâm Dịch vụ việc làm báo cáo tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp 06 tháng đầu năm 20..... (hoặc năm 20.....) như sau:

I. TỔNG SỐ DOANH NGHIỆP, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN:.....Đơn vị

Trong đó:

- Số doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trên địa bàn thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp:..... đơn vị.
- Số doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trên địa bàn đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp:..... đơn vị.

II. TỔNG SỐ NGƯỜI GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC:.....người.

Trong đó:

1. Số người giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trên địa bàn thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp:..... người.

2. Số người giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trên địa bàn đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp:..... người.

III. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

1. Số người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp:.....người.
2. Số người nộp hồ sơ nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp:.....người.
3. Số người đã có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp:..... người.

4. Số người bị hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp:..... người.
5. Số người chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp đi địa phương khác:người
6. Số người tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp:..... người.
7. Số người tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp:..... người.
8. Số người chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp:..... người.
9. Số người có quyết định hỗ trợ học nghề:..... người.

Trong đó: Số người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp được hỗ trợ học nghề là.....người

10. Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm:..... người

11. Số tiền chi trả trợ cấp thất nghiệp:.....đồng

Trong đó: số tiền hỗ trợ học nghề cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp là.....đồng

8. Vấn đề tổ chức triển khai thực hiện:

- Bố trí các địa điểm tiếp nhận và giải quyết hưởng BHTN:
- Số lượng cán bộ và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ:
- Trang bị cơ sở vật chất:
- Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn BHTN:
- Tổ chức thu thập, phân tích, đánh giá thực hiện BHTN.
- Sự phối hợp với các cơ quan có liên quan: Bảo hiểm xã hội, Liên đoàn Lao động tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn

Cần tập trung đánh giá những mặt, chưa được và nguyên nhân.

IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

(Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn. Những vấn đề phát sinh, nguyên nhân và các kiến nghị, đề xuất).

Trên đây là báo cáo 06 tháng đầu năm 20..... (hoặc năm 20.....) của Trung tâm Dịch vụ việc làm về tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 33: Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

TÊN DOANH NGHIỆP/CƠ QUAN
/TỔ CHỨC.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAM GIA BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP NĂM

Kính gửi: Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố.....

Thực hiện Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, báo cáo tình hình tham gia hiểm thất nghiệp năm như sau:

I. TỔNG SỐ NGƯỜI GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC:người

1. Số người giao kết hợp đồng lao động:.....người.

Trong đó:

- Số người giao kết hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng:.....người.

- Số người giao kết hợp đồng lao động từ đủ 12 tháng đến 36 tháng:....người.

- Số người giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn:.....người.

2. Số người giao kết hợp đồng làm việc:người.

Trong đó:

- Số người giao kết hợp đồng làm việc từ đủ 12 tháng đến 36 tháng:.....người.

- Số người giao kết hợp đồng làm việc không xác định thời hạn:.....người.

II. TỔNG SỐ NGƯỜI THAM GIA BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP: người

1. Số người giao kết hợp đồng lao động:người.

Trong đó:

- Số người giao kết hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng:.....người

- Số người giao kết hợp đồng lao động từ đủ 12 tháng đến 36 tháng:.....người.

- Số người giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn:.....người.

2. Số người giao kết hợp đồng làm việc: người.

Trong đó:

- Số người giao kết hợp đồng làm việc từ đủ 12 tháng đến 36 tháng:.....người.

- Số người giao kết hợp đồng làm việc không xác định thời hạn:người.

III. SỐ TIỀN ĐÓNG BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP: đồng

IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ĐÓNG BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP (KẾT QUẢ, TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN) VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT,.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Báo cáo này hoàn thành và gửi về Sở Lao động-Thương binh và Xã hội trước ngày 15.01 của năm sau.

Mẫu số 34³⁸: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP....
**SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số

....., ngày tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH;

Căn cứ..... (văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội);

Căn cứ Quyết định số ngày/...../..... của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố.....;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm...../Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp đối với:

Ông/bà sinh ngày thángnăm

³⁸ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân: cấp
ngày.....tháng.....năm.... Nơi cấp:.....

Số sổ BHXH:.....

Tổng số tiền trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số là:đồng
(bằng chữ:.....)

Số tiền trợ cấp thất nghiệp bị thu hồi:..... đồng (bằng chữ
.....).

Lý do:

Điều 2. Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm..... và Giám đốc Bảo
hiểm xã hội tỉnh/thành phố..... thực hiện thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp
và bảo hiểm y tế đã chi cho ông/bà

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm....., Giám đốc Bảo hiểm
xã hội và ông/bà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT,....

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 35³⁹: Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...
**SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số

....., ngày tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi tiền hỗ trợ học nghề

**GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH, THÀNH PHỐ.....**

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH;

Căn cứ..... (văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội);

Căn cứ Quyết định số ngày/...../..... của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố..... về việc hỗ trợ học nghề;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi tiền hỗ trợ học nghề đối với:

Ông/bà sinh ngày thángnăm

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân: cấp ngày.....tháng.....năm.... Nơi cấp:.....

³⁹ Mẫu này được sửa đổi và ban hành kèm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024

Số sổ bảo hiểm xã hội:.....
Tổng số tiền hỗ trợ học nghề theo Quyết định số
ngày...../...../..... là:.....đồng (bằng chữ:.....)
Số tiền hỗ trợ học nghề bị thu hồi:..... đồng (bằng chữ
.....).

Lý do:.....
.....

Điều 2. Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm..... và Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố..... thực hiện thu hồi tiền hỗ trợ học nghề đã chi cho ông/bà

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm....., Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố..... và ông/bà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT,.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 36: Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ**

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ..... (văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân);

Căn cứ Quyết định số ngày // của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... về việc hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động đối với:

Tên đơn vị được hỗ trợ

Tổng số kinh phí được hỗ trợ theo Quyết định số ngày...../...../.....:.....đồng (bằng chữ:.....)

Số kinh phí hỗ trợ bị thu hồi:..... đồng (bằng chữ).

Lý do bị thu hồi.....

Điều 2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố thực hiện thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động đã chi cho(đơn vị được hỗ trợ).

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố, Thủ trưởng cơ sở dạy nghề (*đối với trường hợp thuê cơ sở dạy nghề đào tạo*) và (*người đại diện đơn vị được hỗ trợ*)
.....chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT,.....

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)